

Bản án số: **51/2024/HNGĐ-ST**
Ngày: 15-8-2024.
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VN**

TAND THÀNH PHỐ TN, TỈNH TN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trọng Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Tấn Phát.

Ông Nguyễn Văn Tới.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoài Thanh - Thư ký TAND thành phố TN, tỉnh TN.

Đại diện Viện kiểm sát thành phố TN, tỉnh TN tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Tiểu Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở TAND thành phố TN, tỉnh TN xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 152/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2024 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 28/2024/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đặng Thị M, sinh năm 1992; địa chỉ: Tổ 07, ấp TA, xã TB, huyện TB, tỉnh TN, VN.

Bị đơn: Anh Phan Văn L, sinh năm 1997; địa chỉ: Tổ 03, ấp T Tr, xã TT, thành phố TN, tỉnh TN, VN.

- Chị M có đơn xin xét xử vắng mặt; anh L vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21 tháng 3 năm 2024 và bổ sung trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Đặng Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh L tự nguyện quen biết nhau, tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới năm 2020, đến năm 2022, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TT, thành phố TN, tỉnh TN theo số: 03/2022; ngày 08-02-2022.

Vợ chồng sống hạnh phúc được vài năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Phan Văn L không lo tu chí làm ăn, không có trách nhiệm với gia đình, mâu thuẫn về kinh tế, tình cảm, có xảy ra xô xát nhau, anh L kỹ tính về tiền bạc. Hiện tại tình cảm vợ chồng không còn nên chị M yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị M được ly hôn với anh Phan Văn L.

Về con chung: Có 01 con chung tên Phan Mỹ Ph, sinh ngày 14-03-2022. Hiện con đang sống cùng với chị M, nên Tòa án cho vợ chồng tôi ly hôn, chị M yêu cầu được trực tiếp nuôi con, chị M yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phan Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố TN, tỉnh TN phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Quá trình thụ lý, giải quyết cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định; không vi phạm về tố tụng. Anh L đã được Tòa án triệu tập đến tham dự phiên tòa nhưng anh L vắng mặt không có lý do xem như từ bỏ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70; 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị M về việc ly hôn với anh L; Về con chung: Giao con tên Phan Mỹ Ph cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng. Buộc anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con thành niên, tự lao động và sinh sống được; Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, công bố các chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Chị M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh L theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; anh Phan Văn L có nơi cư trú: Tổ 03, ấp T Tr, xã TT, thành phố TN, tỉnh TN, VN. Căn cứ khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thẩm quyền giải quyết thuộc TAND thành phố TN, tỉnh TN.

Chị M có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Phan Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 02 nhưng anh L vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo các Điều 227; 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh L có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TT, thành phố TN, tỉnh TN theo số: 03/2022; ngày 08-02-2022 nên công nhận đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị M, anh L phát sinh mâu thuẫn do anh chị mâu thuẫn về tình cảm, kinh tế, không có tiếng nói chung trong hôn nhân, vợ chồng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Hội đồng xét xử xác định hôn nhân của anh chị tan vỡ do không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Anh chị không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau. Tình cảm vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị M về việc xin ly hôn với anh Phan Văn L.

[3] Về con chung: Có 01 con chung tên Phan Mỹ Ph, sinh ngày 14-3-2022. Hiện con đang sống cùng với chị M. Xét yêu cầu được trực tiếp nuôi con của chị M thấy rằng: Cháu Ph chưa đủ tuổi để xem xét cháu có nguyện vọng được sinh sống với cha hay mẹ và tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình có quy định như sau: “... 3. *Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi ...*” vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận cần yêu cầu của chị M.

[3.1] Xét yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con thấy rằng: Việc nuôi dưỡng con là nghĩa vụ của cha mẹ, chị M trực tiếp nuôi dưỡng và có yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con thành niên tự lao động và sinh sống được là yêu cầu thiết yếu. Bởi lẽ, tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “... 2. *Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.*”. Mặt khác, mức lương cơ sở do Chính phủ quy định kể từ ngày 01-7-2024 là 2.340.000 đồng cao hơn mức chị M yêu cầu, phù hợp với mức thu nhập chung của Nhân dân. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận mức cấp dưỡng nuôi con của chị M là có căn cứ.

[3.2] Anh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày về quyền nuôi con, về mức cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị M xác định không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Phan Văn L trong quá trình giải quyết vụ án, không tham gia tố tụng, không cung cấp ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị M. Do đó, Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN, tỉnh TN phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

[6] Về án phí: Chị M, anh L phải chịu án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm theo Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 26; 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Đặng Thị M phải chịu án hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng; Anh Phan Văn L phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; Điều 147; Điều 227; 228; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự

Căn cứ vào các Điều 51; 56 và Điều 81; 82; 83; 107 và Điều 110 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ các Điều 26; 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đặng Thị M đối với anh Phan Văn L. Chị Đặng Thị M và anh Phan Văn L không còn quyền và nghĩa vụ vợ chồng.

2. Về con chung: Chị Đặng Thị M được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con tên Phan Mỹ Ph, sinh ngày 14-3-2022 cho đến khi con thành niên.

Buộc anh Phan Văn L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho đến khi con thành niên số tiền 2.000.000 đồng/tháng. Thời hạn cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Anh Phan Văn L được quyền và nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn, không ai được cản trở anh L thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đặng Thị M phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm. Khấu trừ 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí chị M đã nộp theo biên lai thu số 0002548 ngày 21-3-2024 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố TN, tỉnh TN. Ghi nhận chị Đặng Thị M đã nộp xong.

Anh Phan Văn L phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. “Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự”.

6. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo lên TAND tỉnh TN trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tp Tây Ninh;
- Chi cục THADS tp Tây Ninh;
- UBND xã TT;
- Đương sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ (N).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Trọng Nghĩa